

Số: 32/TB-ĐHSPHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO
về dự kiến phương án tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

I. Đối tượng, điều kiện dự tuyển chung đối với tất cả ngành/chương trình đào tạo và phương thức xét tuyển

Thí sinh tính tới thời điểm xác định trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương. Đồng thời, có *kết quả rèn luyện (hạnh kiểm)* tất cả các học kì cấp THPT đạt mức **Khá** trở lên.

Đối với người nước ngoài, Trường xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT, đạt chuẩn năng lực Tiếng Việt và đáp ứng các quy định khác của Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

II. Các phương thức, điều kiện, tiêu chí xét tuyển cụ thể

Trường ĐHSP Hà Nội xét tuyển thẳng các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng được quy định tại khoản 1, 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT. Sau khi xác định thí sinh trúng tuyển thẳng, Nhà trường xét tuyển số chỉ tiêu tuyển sinh còn lại đối với mỗi ngành/chương trình đào tạo theo ba phương thức (viết tắt là **PT1, PT2, PT3**).

Thí sinh có thể đăng kí nhiều phương thức xét tuyển vào cùng một ngành/chương trình đào tạo. Đối với mỗi phương thức (**PT1/PT2/PT3**), thí sinh có một điểm xét (**ĐX1/ĐX2/ĐX3**) theo thang điểm 30; trong đó **ĐX2, ĐX3** là các *điểm xét quy đổi về cùng thang điểm thi TN THPT* của điểm xét **ĐX1** theo quy định của Bộ GDĐT. Thang điểm 30 của 3 môn thi TN THPT (đối với tổ hợp gốc, không nhân hệ số) được quy định là *thang điểm chung* để xác định các điểm xét quy đổi: **ĐX1, ĐX2, ĐX3** vào một ngành/chương trình đào tạo.

Đối với một ngành/chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét tuyển bình đẳng dựa trên **điểm xét theo một thang điểm chung**, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào. Hệ thống xét tuyển theo từng ngành/chương trình đào tạo, tự động lấy điểm lớn nhất trong số các điểm xét (**ĐX1, ĐX2, ĐX3**) mà thí sinh đã đăng kí dự tuyển trên Hệ thống của Trường và Bộ GDĐT (*điểm xét ưu thế nhất, có lợi nhất cho thí sinh*) để xét từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu của mỗi ngành/chương trình đào tạo.

Phương thức xét tuyển	Phạm vi tuyển sinh	Số nguyện vọng xét tuyển và điểm xét ĐX1, ĐX2, ĐX3 theo thang điểm chung
Phương thức 1 (PT1). Xét kết quả thi TN THPT năm 2026	Tất cả ngành/chương trình đào tạo.	- Thí sinh được đăng ký nhiều nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GDĐT. Nhà trường sẽ xét các nguyện vọng này theo PT1 nếu thí sinh có đủ dữ liệu điểm thi TN THPT. - Điểm xét theo PT1 – ĐX1 Điểm xét ĐX1 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi TN THPT (theo quy định của từng ngành/chương trình đào tạo), được cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. Đối với các ngành/chương trình năng khiếu (GDMN, GDMN – SPTA, GDTC, HLTT, SPAN, SPMT), Trường xét điểm tổ hợp 3 môn bao gồm môn thi TN THPT và môn thi năng khiếu. Đối với một ngành/chương trình có từ hai tổ hợp môn xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét theo tổ hợp môn tương ứng, trong đó ĐX1 là điểm lớn nhất (<i>điểm xét ưu thế nhất theo PT1, có lợi nhất cho thí sinh</i>).
Phương thức 2 (PT2). Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội	Tất cả ngành/chương trình đào tạo.	- Thí sinh phải đăng kí dự tuyển theo PT2 trên Hệ thống của Trường với duy nhất một nguyện vọng xét tuyển. Mặt khác, thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển này trên Hệ thống của Bộ GDĐT. - Điểm xét theo PT2 – ĐX2 Điểm xét ĐX2 (thang điểm 30) được xác định dựa trên <i>hồ sơ năng lực - thành tích vượt trội</i> theo các quy tắc <i>đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung</i> và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.
Phương thức 3 (PT3). Xét kết quả thi ĐGNL - SPT năm 2026	52/58 ngành/chương trình đào tạo. Trừ các ngành/chương trình năng khiếu: GDTC, HLTT, SPAN, SPMT, GDMN, GDMN-SPTA.	- Thí sinh phải đăng kí dự thi từ 3 đến 7 môn thi SPT trên Hệ thống của Trường. - Thí sinh được đăng ký nhiều nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GDĐT. Nhà trường sẽ xét các nguyện vọng này theo PT3 nếu thí sinh có đủ dữ liệu điểm thi SPT. - Điểm xét theo PT3 – ĐX3 Điểm xét ĐX3 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi SPT (theo quy định của từng ngành/chương trình đào tạo) với điểm thi SPT được quy đổi tương đương về <i>thang điểm chung</i> và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. Đối với một ngành/chương trình có từ hai tổ hợp môn xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét theo tổ hợp môn tương ứng, trong đó ĐX3 là điểm lớn nhất (<i>điểm xét ưu thế nhất theo PT3, có lợi nhất cho thí sinh</i>).

Căn cứ đề nghị của các trường dự bị đại học (DBĐH), Trường dành một số chỉ tiêu ngành ngoài sư phạm để xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình DBĐH theo Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về tuyển sinh, bồi dưỡng DBĐH; xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh DBĐH.

Căn cứ đề nghị của các sở GDĐT và công văn giao chỉ tiêu cử tuyển của Bộ GDĐT, Trường xem xét tiếp nhận một số học sinh dân tộc thiểu số vào học trình độ đại học theo Nghị định của Chính phủ về chế độ cử tuyển.

1. PT1 - Xét kết quả thi TN THPT năm 2026

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT1

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT1 cần phải tham dự Kỳ thi TN THPT năm 2026 với các môn thi tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT1 vào ngành/chương trình đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học.

Đối với các ngành năng khiếu: GD Mầm non, GD Mầm non – SP Tiếng Anh, GD Thể chất, Huấn luyện thể thao, SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, thí sinh còn phải tham dự Kỳ thi năng khiếu năm 2026 do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức để lấy điểm thi năng khiếu xét tuyển kết hợp với điểm thi TN THPT. Nhà trường tổ chức thi năng khiếu sau kỳ thi TN THPT, **không** sử dụng kết quả thi năng khiếu do trường đại học khác tổ chức để xét tuyển.

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX1 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX1 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi TN THPT (theo quy định của từng ngành đào tạo) và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Đối với các ngành năng khiếu, xác định điểm xét ĐX1 theo tổ hợp 3 môn bao gồm môn thi TN THPT và môn thi năng khiếu. Theo đó, các bài thi năng khiếu được đánh giá theo thang điểm tương đương với thang điểm 10 của bài thi TN THPT.

Đối với một ngành có từ hai tổ hợp xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét khác nhau theo các tổ hợp môn tương ứng, trong đó **ĐX1** là điểm lớn nhất (điểm xét ưu thế nhất theo PT1, có lợi nhất cho thí sinh).

2. PT2 - Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT2

Trường ĐHSP Hà Nội quy định các điều kiện ưu tiên xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và yêu cầu đầu vào của mỗi ngành đào tạo; phân loại theo ba diện:

- **Diện A**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào tất cả các ngành, trừ GD thể chất, Huấn luyện thể thao và SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật;
- **Diện N**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật;
- **Diện T**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào ngành GD Thể chất, Huấn luyện thể thao.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện A

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng kí dự tuyển theo PT2 – **Diện A** cần *tốt nghiệp THPT trong năm 2026, có kết quả rèn luyện tất cả 06 học kì cấp THPT đạt mức **Tốt**, có kết quả học tập cả 03 năm cấp THPT đạt mức **Tốt*** và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
A4	Hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 tại trường thực hành sư phạm trực thuộc Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh hoặc theo hệ không chuyên tại trường THPT Chuyên. Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG THPT (dành cho HS lớp 12) hoặc cuộc thi NCKHKT (dành cho HS THPT) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)/trường đại học.	A4.4		t_{10}
		A4.3	Giải Ba	t_9
		A4.2	Giải Nhì	t_8
		A4.1	Giải Nhất	t_7
A3	Hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 theo hệ chuyên tại trường THPT chuyên.	A3		t_6
A2	Đáp ứng diện A3 nhưng chưa đến A1, đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG THPT (dành cho lớp 12) hoặc cuộc thi NCKHKT (dành cho HS THPT) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)/trường đại học.	A2.3	Giải Ba	t_5
		A2.2	Giải Nhì	t_4
		A2.1	Giải Nhất	t_3
A1	Tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia THPT hoặc cuộc thi NCKHKT cấp quốc gia dành cho HS THPT.	A1.2	Không đoạt giải	t_2
		A1.1	Giải khuyến khích/ Giải Tư trở lên	t_1

* Viết tắt: HSG = học sinh giỏi, NCKHKT = nghiên cứu khoa học, kĩ thuật.

Công nhận kết quả kỳ thi chọn HSG THPT cấp trường đại học được tổ chức bởi trường đại học có thành lập đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia THPT, bao gồm: Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐH Vinh, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.

Khi xét tuyển theo PT2 vào ngành SP Tiếng Pháp, học sinh hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 theo hệ song ngữ tiếng Pháp của Trường THPT chuyên Hà Nội – Amsterdam, Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ, Trường THPT chuyên Chu Văn An và Trường THPT chuyên Sơn Tây được tính vào diện A3.

Dự án NCKHKT đạt giải cần phù hợp với ngành đào tạo mà thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2.

Thời gian tham dự, đoạt giải các kỳ thi, cuộc thi không quá 03 năm tính tới ngày 19/5/2026.

Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_{10} < t_9 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2026.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện N vào ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 – **diện N** cần *tốt nghiệp THPT trong năm 2024, 2025 hoặc 2026, có kết quả học tập (học lực) các năm cấp THPT đạt mức Khá trở lên* và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
N4	Tham gia Kỳ thi năng khiếu của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2026 và có thành tích vượt trội, thuộc nhóm 5% thí sinh đạt kết quả thi cao nhất.	N4	Chứng nhận kết quả thi năng khiếu cao nhất	t_8
N3	Tốt nghiệp loại Giỏi trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại trường năng khiếu nghệ thuật.	N3		t_7
N2	Đoạt các giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) về ca, múa, nhạc, mỹ thuật.	N2.3	Huy chương Đồng	t_6
		N2.2	Huy chương Bạc	t_5
		N2.1	Huy chương Vàng	t_4
N1	Đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật.	N1.3	Huy chương Đồng	t_3
		N1.2	Huy chương Bạc	t_2
		N1.1	Huy chương Vàng	t_1

Thời gian đạt thành tích không quá 04 năm tính tới ngày 10/6/2026.

Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2026.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện T vào ngành GD Thể chất, Huấn luyện thể thao

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng kí dự tuyển theo PT2 - **diện T** cần *tốt nghiệp THPT trong năm 2023, 2024 hoặc 2025, có kết quả học tập (học lực)* cả 03 năm cấp THPT đạt mức **Khá** trở lên và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
T4	Tham gia Kỳ thi năng khiếu của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2026 và có thành tích vượt trội, thuộc nhóm 5% thí sinh đạt kết quả thi cao nhất.	T4	Chứng nhận kết quả thi năng khiếu cao nhất	t_{10}
T3	Đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương), có chứng nhận thành tích của Sở GDĐT.	T3.3	Huy chương Đồng	t_9
		T3.2	Huy chương Bạc	t_8
		T3.1	Huy chương Vàng	t_7
T2	Đạt tiêu chuẩn vận động viên cấp 1 quốc gia (có quyết định công nhận của Cục Thể dục thể thao) hoặc đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông toàn quốc (có chứng nhận thành tích của Bộ GDĐT).	T2.3	Huy chương Đồng	t_6
		T2.2	Huy chương Bạc	t_5
		T2.1	Huy chương Vàng hoặc <i>VĐV cấp 1 quốc gia</i>	t_4
T1	Đạt tiêu chuẩn kiện tướng quốc gia (có quyết định công nhận của Cục Thể dục thể thao) hoặc đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm.	T1.3	Huy chương Đồng	t_3
		T1.2	Huy chương Bạc	t_2
		T1.1	Huy chương Vàng hoặc <i>Kiến tướng quốc gia</i>	t_1

Thời gian đạt thành tích không quá 04 năm tính tới ngày 10/6/2026.

Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_{10} < t_9 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2026.

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX2 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX2 (thang điểm 30) là điểm số được xác định dựa trên hồ sơ năng lực - thành tích vượt trội theo các *quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung* và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung do Hội đồng tuyển sinh quyết định, bao gồm các tham số:

- Điểm quy đổi thành tích t ; thí sinh có thành tích càng cao thì có tham số t càng lớn ($15 \leq t < 30$).
- Điểm khuyến khích n_1 là điểm cộng khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (đủ bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) theo quy định cụ thể của mỗi ngành ($n_1 \leq 1$). Thời gian cấp chứng chỉ không quá 02 năm tính tới ngày 10/6/2026. Nếu không có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đáp ứng quy định cụ thể của mỗi ngành thì thí sinh vẫn được dự tuyển theo PT2 nhưng không được xét cộng điểm khuyến khích n_1 .

- Điểm khuyến khích n_2 là điểm cộng khuyến khích đối với thí sinh có điểm trung bình môn cả năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 đạt từ 8.0 điểm trở lên đối với tổ hợp 3 môn theo quy định cụ thể của mỗi ngành ($n_2 \leq 1$). Nếu không học đủ ba môn này trong cả 03 năm cấp THPT hoặc có ít nhất 1 môn ở 1 năm học không đạt điểm TBC là 8.0 thì thí sinh vẫn được dự tuyển theo PT2 nhưng không được xét cộng điểm khuyến khích n_2 .

- Hệ số học văn nền h tỉ lệ với trung bình điểm thi TN THPT môn Toán và Ngữ văn (hai môn bắt buộc với mọi thí sinh). Đối với các thí sinh có cùng điểm quy đổi thành tích t , thí sinh có *hệ số h* càng cao thì có *điểm xét ĐX2* càng lớn. Đối với các thí sinh có cùng *hệ số h* , thí sinh có điểm quy đổi thành tích t càng cao thì có *điểm xét ĐX2* càng lớn.

Việc xác định các tham số quy đổi đảm bảo nguyên tắc:

- Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt điểm tối đa của thang điểm xét (30 điểm), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm khuyến khích, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

- Tổng điểm cộng không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30).

- Có tính đến tương quan kết quả học tập năm thứ nhất tại Trường ĐHSP Hà Nội của nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT1 (xét điểm thi TN THPT) và nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT2 (xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội). Trường ưu tiên xét tuyển theo phương thức mà *sinh viên trúng tuyển có kết quả học tập tốt hơn*.

3. PT3 - Xét kết quả thi ĐGNL - SPT năm 2026

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT3

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng kí dự tuyển theo PT3 vào Trường ĐHSP Hà Nội cần phải tham dự Kỳ thi SPT năm 2026 với các môn thi tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT3 vào ngành/chương trình đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học. Mặt khác, thí sinh dự tuyển vào ngành đào tạo giáo viên theo PT3 phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực lớp 12 xếp loại Giỏi) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX3 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX3 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi SPT (theo quy định của từng ngành đào tạo) với điểm thi SPT được quy đổi tương đương về thang điểm chung và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Việc quy đổi điểm tổ hợp 3 môn thi SPT về thang điểm thi TN THPT đảm bảo các nguyên tắc:

- Dựa trên tương quan so sánh dữ liệu điểm thi của tổ hợp tương ứng giữa hai kỳ thi SPT và TN THPT.
- Không làm thay đổi thứ tự xếp hạng theo điểm tổ hợp 3 môn giữa các thí sinh sau khi quy đổi.
- Có tính đến tương quan kết quả học tập năm thứ nhất tại Trường ĐHSP Hà Nội của nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT1 (xét điểm thi TN THPT) và nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT3 (xét điểm thi SPT). Trường ưu tiên phương thức mà *sinh viên trúng tuyển có kết quả học tập tốt hơn*.

Công thức quy đổi tương đương SPT – TN THPT do Hội đồng tuyển sinh quyết định khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2026.

Đối với một ngành có từ hai tổ hợp xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét khác nhau theo các tổ hợp môn tương ứng, trong đó **ĐX3** là điểm lớn nhất (điểm xét ưu thế nhất theo PT3, có lợi nhất cho thí sinh).

III. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức, điều kiện, tổ hợp xét tuyển theo ngành/chương trình đào tạo

Năm 2026, Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức tuyển sinh 58 ngành/chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc 09 lĩnh vực, trong đó có 08 ngành/chương trình đào tạo mới thuộc các lĩnh vực đào tạo ngoài sư phạm: Giáo dục học (*Giáo dục và truyền thông*), Huấn luyện thể thao, Địa lí học (*Địa lí tài nguyên và môi trường*), Trí tuệ nhân tạo, Khoa học dữ liệu, Hóa học (*Hóa dược*), Quốc tế học, Ngôn ngữ Pháp (*Tiếng Pháp ứng dụng và giao tiếp quốc tế*).

1. Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

a) Nhóm ngành khoa học giáo dục

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển</i> (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển</i> (môn thi ĐGNL - SPT)
		<i>Đội tuyển HSG</i> <i>- ưu tiên xét</i> <i>tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn</i> <i>- xét cộng điểm</i> <i>khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại</i> <i>ngữ quốc tế</i> <i>- xét cộng điểm</i> <i>khuyến khích n_1</i>		
1.	Giáo dục học (Giáo dục và truyền thông) <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7140101</i> <i>Chỉ tiêu: 80</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
2.	Quản lý giáo dục <i>Mã xét tuyển: 7140114</i> <i>Chỉ tiêu: 90</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, GDKT&PL

b) Nhóm ngành đào tạo giáo viên

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
1.	GD Mầm non <i>Mã xét tuyển: 7140201</i> <i>Chỉ tiêu: 190</i>	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện)	<i>Không xét tuyển</i>
2.	GD Mầm non - SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140201K</i> <i>Chỉ tiêu: 60</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện) - Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện)	<i>Không xét tuyển</i>
3.	GD Tiểu học <i>Mã xét tuyển: 7140202</i> <i>Chỉ tiêu: 215</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
4.	GD Tiểu học - SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140202K</i> <i>Chỉ tiêu: 100</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
5.	GD đặc biệt <i>Mã xét tuyển: 7140203</i> <i>Chỉ tiêu: 80</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
6.	GD công dân <i>Mã xét tuyển: 7140204 Chỉ tiêu: 110</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
7.	GD chính trị <i>Mã xét tuyển: 7140205 Chỉ tiêu: 25</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
8.	GD thể chất <i>Mã xét tuyển: 7140206 Chỉ tiêu: 160</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m) - Ngữ văn, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m)	<i>Không xét tuyển</i>
9.	GD Quốc phòng và An ninh <i>Mã xét tuyển: 7140208 Chỉ tiêu: 60</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Toán	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Địa lý	- Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Địa lý

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
10.	SP Toán học <i>Mã xét tuyển: 7140209 Chỉ tiêu: 300</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Vật lí, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán $\times 2$, Vật lí, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh
11.	SP Toán học <i>(dạy Toán bằng tiếng Anh)</i> <i>Mã xét tuyển: 7140209K Chỉ tiêu: 60</i>	Toán, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Tiếng Anh, Vật lí - Toán $\times 2$, Tiếng Anh, Ngữ văn	- Toán $\times 2$, Tiếng Anh, Vật lí - Toán $\times 2$, Tiếng Anh, Ngữ văn
12.	SP Tin học <i>Mã xét tuyển: 7140210 Chỉ tiêu: 100</i>	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học
13.	SP Tin học <i>(dạy Tin học bằng tiếng Anh)</i> <i>Mã xét tuyển: 7140210K Chỉ tiêu: 20</i>	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học
14.	SP Vật lí <i>Mã xét tuyển: 7140211 Chỉ tiêu: 50</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh
15.	SP Vật lí <i>(dạy Vật lí bằng tiếng Anh)</i> <i>Mã xét tuyển: 7140211K Chỉ tiêu: 20</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
16.	SP Hoá học <i>Mã xét tuyển: 7140212</i> <i>Chỉ tiêu: 50</i>	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học
17.	SP Hoá học <i>(dạy Hóa học bằng tiếng Anh)</i> <i>Mã xét tuyển: 7140212K</i> <i>Chỉ tiêu: 20</i>	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Hoá học, Tiếng Anh	Toán, Hoá học, Tiếng Anh
18.	SP Sinh học <i>Mã xét tuyển: 7140213</i> <i>Chỉ tiêu: 70</i>	Sinh học, Hóa học, Vật lí, Toán; NCKHKT	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh	- Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh
19.	SP Ngữ văn <i>Mã xét tuyển: 7140217</i> <i>Chỉ tiêu: 450</i>	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
20.	SP Lịch sử <i>Mã xét tuyển: 7140218</i> <i>Chỉ tiêu: 85</i>	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
21.	SP Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140219</i> <i>Chỉ tiêu: 100</i>	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Địa lí, Toán - Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử	- Ngữ văn, Địa lí, Toán - Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
22.	SP Âm nhạc <i>Mã xét tuyển: 7140221</i> <i>Chỉ tiêu: 90</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Hát), NK2 (Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Độc nhạc) - Ngữ văn, NK1 (Hát), NK2 (Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Độc nhạc)	<i>Không xét tuyển</i>
23.	SP Mỹ thuật <i>Mã xét tuyển: 7140222</i> <i>Chỉ tiêu: 80</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Hình họa), NK2 (Trang trí) - Ngữ văn, NK1 (Hình họa), NK2 (Trang trí)	<i>Không xét tuyển</i>
24.	SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140231</i> <i>Chỉ tiêu: 160</i>	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.5 ; TOEFL iBT ≥ 79	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$
25.	SP Tiếng Pháp <i>Mã xét tuyển: 7140233</i> <i>Chỉ tiêu: 20</i>	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên (DELTA B1 tout public hoặc junior), TCF ≥ 300	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp $\times 2$ - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
26.	SP Công nghệ <i>Mã xét tuyển: 7140246 Chỉ tiêu: 150</i>	Toán, Vật lý, Công nghệ, Tin học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Công nghệ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Công nghệ (định hướng Công nghiệp) - Toán, Vật lý, Công nghệ (định hướng Nông nghiệp)	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Công nghệ (định hướng Công nghiệp) - Toán, Vật lý, Công nghệ (định hướng Nông nghiệp)
27.	SP Khoa học tự nhiên <i>Mã xét tuyển: 7140247 Chỉ tiêu: 70</i>	Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học	Vật lý, Hóa học, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Vật lý - Toán, Hoá học, Sinh học	- Toán, Hoá học, Vật lý - Toán, Hoá học, Sinh học
28.	SP Lịch sử - Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140249 Chỉ tiêu: 100</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

Sinh viên học các chương trình đào tạo giáo viên (sư phạm) được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (*nếu đăng kí và cam kết phục vụ trong ngành giáo dục*). Nếu sinh viên không đăng kí hưởng hỗ trợ sẽ tự túc nộp học phí theo quy định của Trường.

Thí sinh trúng tuyển ngành SP Sinh học sau khi nhập học nếu có nguyện vọng thì có thể đăng kí dự tuyển vào học chương trình đào tạo giáo viên dạy bằng tiếng Anh: SP Sinh học (dạy Sinh học bằng tiếng Anh).

Nhà trường cập nhật chỉ tiêu chính thức đối với các ngành đào tạo giáo viên sau khi nhận được Công văn của Bộ GDĐT về phân bổ số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2026.

2. Lĩnh vực nhân văn

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
1.	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người Việt Nam</i> <i>Mã xét tuyển: 7220101</i> <i>Chỉ tiêu: 70</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
2.	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người nước ngoài</i> <i>Mã xét tuyển: 7220101</i> <i>Chỉ tiêu: 10</i>	<i>Theo quy định riêng</i>				
3.	Ngôn ngữ Anh <i>Mã xét tuyển: 7220201</i> <i>Chỉ tiêu: 60</i>	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.5 ; TOEFL iBT ≥ 79	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$
4.	Ngôn ngữ Pháp <i>(Tiếng Pháp ứng dụng và giao tiếp quốc tế)</i> <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7220203</i> <i>Chỉ tiêu: 60</i>	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên (DELTA B1 tout public hoặc junior), TCF ≥ 300	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp $\times 2$ - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n₁</i>		
5.	Ngôn ngữ Trung Quốc <i>Mã xét tuyển: 7220204 Chỉ tiêu: 45</i>	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Pháp, Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$ - Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$
6.	Triết học (Triết học Mác Lê-nin) <i>Mã xét tuyển: 7229001 Chỉ tiêu: 195</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL
7.	Lịch sử <i>Mã xét tuyển: 7229010 Chỉ tiêu: 60</i>	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Toán	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Toán
8.	Văn học <i>Mã xét tuyển: 7229030 Chỉ tiêu: 100</i>	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

3. Lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n₁</i>		
1.	Chính trị học <i>Mã xét tuyển: 7310201</i> <i>Chỉ tiêu: 100</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
2.	Xã hội học <i>Mã xét tuyển: 7310301</i> <i>Chỉ tiêu: 80</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL
3.	Tâm lý học <i>(Tâm lý học trường học)</i> <i>Mã xét tuyển: 7310401</i> <i>Chỉ tiêu: 200</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
4.	Tâm lý học giáo dục <i>Mã xét tuyển: 7310403</i> <i>Chỉ tiêu: 90</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
5.	Địa lí học (Địa lí tài nguyên và môi trường) <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7310501</i> <i>Chỉ tiêu: 70</i>	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Địa lí, Toán - Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử - Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	- Ngữ văn, Địa lí, Toán - Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử - Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL
6.	Quốc tế học <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7310601</i> <i>Chỉ tiêu: 60</i>	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Toán	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Toán
7.	Việt Nam học <i>- tuyển sinh người Việt Nam</i> <i>Mã xét tuyển: 7310630</i> <i>Chỉ tiêu: 210</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL
8.	Việt Nam học <i>- tuyển sinh người nước ngoài</i> <i>Mã xét tuyển: 7310630</i> <i>Chỉ tiêu: 10</i>	<i>Theo quy định riêng</i>				

4. Lĩnh vực khoa học sự sống

STT	Ngành/chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, Chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Sinh học Mã xét tuyển: 7420101 Chỉ tiêu: 120	Sinh học, Hóa học, Vật lý, Toán, Địa lý; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Sinh học, Địa lý - Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)	- Toán, Sinh học, Địa lý - Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)
2.	Công nghệ sinh học Mã xét tuyển: 7420201 Chỉ tiêu: 80	Sinh học, Hóa học, Vật lý, Toán; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Sinh học, Vật lý - Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)	- Toán, Sinh học, Vật lý - Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)

5. Lĩnh vực khoa học tự nhiên

STT	Ngành/chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Vật lý học (<i>Vật lý bán dẫn và kỹ thuật</i>) Mã xét tuyển: 7440102 Chỉ tiêu: 120	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Vật lý	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
2.	Hóa học <i>Mã xét tuyển: 7440112 Chỉ tiêu: 120</i>	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL IBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh
3.	Hóa học (Hóa dược) <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7440112D Chỉ tiêu: 80</i>	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL IBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh

6. Lĩnh vực Toán và thống kê

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
1.	Toán học <i>Mã xét tuyển: 7460101 Chỉ tiêu: 100</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL IBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Vật lí, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán $\times 2$, Vật lí, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh
2.	Khoa học dữ liệu <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7460108 Chỉ tiêu: 60</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Tin học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL IBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Vật lí, Tin học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán $\times 2$, Vật lí, Tin học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh

7. Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
1.	Trí tuệ nhân tạo <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7480107</i> <i>Chỉ tiêu: 60</i>	Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học	- Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học
2.	Công nghệ thông tin <i>Mã xét tuyển: 7480201</i> <i>Chỉ tiêu: 140</i>	Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học	- Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học

8. Lĩnh vực Dịch vụ xã hội

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
1.	Công tác xã hội <i>Mã xét tuyển: 7760101</i> <i>Chỉ tiêu: 220</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFTừ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL

STT	Ngành/chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
2.	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật Mã xét tuyển: 7760103 Chỉ tiêu: 160	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

9. Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân

STT	Ngành/chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Mã xét tuyển: 7810103 Chỉ tiêu: 150	Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí	GD&ĐT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL

STT	Ngành/chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
2.	Huấn luyện thể thao <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7810302 Chỉ tiêu: 70</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m) - Ngữ văn, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m)	<i>Không xét tuyển</i>

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để chỉ đạo thực hiện);
- Các đơn vị toàn trường;
- Ban truyền thông, tư vấn tuyển sinh;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn